

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2020

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Vũ Thị Hương
2, Bà Nguyễn Thị Trang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 155/2020/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1993 (có mặt)

HKTT: Xóm CL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Anh Nghiêm Tuấn T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 17 cũ (tổ 7 mới), thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI D V VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 7/7/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nghiêm Tuấn T kết hôn 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 17 (nay là tổ 7), thị trấn TC, huyện Đ, Thái Nguyên. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2017, chị phát hiện ra anh T nghiện ma túy, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tới cuối năm 2018, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, anh T đuổi chị ra khỏi nhà nhưng do gia đình khuyên can nên chị vẫn cố chịu đựng. Sau đó, anh T thường xuyên đi làm xa, ít khi về nhà. Thỉnh thoảng anh T gọi điện hỏi thăm con cháu cũng không quan tâm gì đến vợ nữa. Từ giữa năm 2019, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã

trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nghiêm Hoàng Bảo K, sinh ngày 27/10/2017. Hiện con chung đang ở với mẹ. Nay hai vợ chồng ly hôn, chị xin được nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, chị xác định từ khi sinh con, anh T cũng không có trách nhiệm gì về mặt vật chất để hỗ trợ chị nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Nghiêm Tuấn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tại các Biên bản xác minh của Tòa án tại gia đình anh T, ông Nghiêm Công V – bố đẻ của anh T cho biết: Vợ chồng chị D, anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà chồng ở tổ 17 (nay là tổ 7), thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì hai vợ chồng xảy ra cãi nhau. Chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2018, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh T ông không có ý kiến gì về việc đó cho hai vợ chồng tự quyết định. Hiện tại, anh T không có nhà, anh T đi làm ăn xa còn làm ở đâu và làm gì thì ông không được biết. Anh T thỉnh thoảng vẫn gọi điện về cho gia đình, thời gian gần đây có về nhà 1- 2 hôm sau đó lại đi, chỉ nói là đi làm chứ không nói địa chỉ là ở đâu. Anh T đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập anh đến Tòa, nhưng anh bận đi làm xa, không về được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị D, cho được ly hôn anh Nghiêm Tuấn T.

Về con chung: Giao con Nghiêm Hoàng Bảo K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T vì chị D không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị D phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại tổ 17 (nay là tổ 7), thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nghiêm Tuấn T đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã hai lần tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, anh T vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nghiêm Tuấn T.

[2] Về nội dung:

Chị Hoàng Thị D và anh Nghiêm Tuấn T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện nên là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn và nội D biên bản xác minh của Tòa án, có cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, anh T và chị D đã chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, đến cuối năm 2017, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì anh T chơi bời nghiện ma túy, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đỉnh điểm là anh T đã đuổi chị ra khỏi nhà từ cuối năm 2018, sau đó, anh T đi làm xa nhà không quan tâm đến vợ con. Đến giữa năm 2019, chị D về nhà bố mẹ đẻ ở nên vợ chồng đã ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Trong trường hợp này, chị D và anh T thực tế đã không còn thương yêu, quan tâm, chung sống với nhau nữa. Mặt khác, anh T đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng mình nhưng chị không có ý kiến gì thể hiện mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân. Điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị D và anh T đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống được với nhau nữa, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là Nghiêm Hoàng Bảo K, sinh ngày 27/10/2017, hiện cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi và vẫn đang ở cùng

với mẹ. Chị D có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi dưỡng con sau khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

“ Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con ”

Căn cứ điều luật được viện dẫn trên đây, xét yêu cầu xin nuôi con của chị D là có căn cứ chấp nhận, cần giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T vì chị D không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội D giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị D đối với anh Nghiêm Tuấn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Nghiêm Tuấn T.

2. Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là Nghiêm Hoàng Bảo K , sinh ngày 27/10/2017. Giao con Nghiêm Hoàng Bảo K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016720 ngày 28/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã TL;
- Lưu: HS VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Vũ Thị An

